

SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Light

LIGHTSTAR S1PS

LIGHTSTAR

Giày an toàn nh ự **mái vàmang** i ệ **không** chứa **kim** l

LIGHTSTAR S1PS là đôi giày an toàn mang tính độ t phá, mang khả năng **Thích** và **cho môi** khô ráo và b è mặt **không** bắn g **mũi giày an toàn không kim** và

Những vật liệu **cao** cấp hơn	**may**
lót bên trong	i **tái** chế lướ
trong Đ	ệm **chân SJ** Memory Foam
iữa đế g	ệt chống thủ
ngoài Đ	EVA / Cao su
u Đứng đầ ống hợp	t
i Loạ	S1 PS / SR, SC, HI, HRO, CI, ESD
Phạm **vi kích** thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng t **thép**	0.458 kg
ẩn **hoá** u chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022+A1:2024



AH6



BLK



NAV



ước **(SR)** bn tChống t
dây SR/SRA/SRB/SRC. SR có nghĩa là phép thử
ước thực hiện g p
diên xà phòng và dầ i, **siêu** l **không** **kiêu**



Trọng lượng nhẹ chống **đâm** thủng
Đ chống **đâm** thủng. Bao phủ
100% này **không** ẩ



Mũi giày an toàn composite
Không **kim**
i và nhiệ
điện



lường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng **lót giày** thường
xuyên
lót giày chỉnh hình
riêng
thoả

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , lĩnh vự c **ô tô, Ngành công** n g**hiệ**n**p** , hậ

ường: **Môi** t
rư ờn**g**i**k**hô, b ề mặt **không** bắn g phẩn g

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ**giày, chúng tôi khuyên bạn nên** v ệ **sinh giày** thư ờn g **xuyên và** bảo v ệ **chúng** h**cáp**hủ **Không**trên lò

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu Tổ n g ế h t **may** , D **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ntu ấm ớc h ơ	? 0.8	33.2		iờ	mg/cm/g
	Top: h nụ ệ số h ơ	? 15	265.5			mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ưế ớ					
	L ớp **lót:** ntu ấm ớc h ơ	? 2	86.31		iờ	mg/cm/g
	lót: h nụ ệ số h ơ	? 20	691			mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ Memory Foam**					
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles			chu kỳ
goài	Đ **EVA / Cao su**					
	Ch ố n ả ng ế g mài mòn ế ngoài (	? 150	102.2			mm
	Chư ố ợ trơ g ả - **Ceramic + NaLS** - Trư ợ t **gót** v ề phía t	? 0.31	0.49			ma sát
	r Cợ t ố m ả g - G ố m + NaLS - Trư ợ t **lùi** v ề phía t	? 0.36	0.46			ma sát
	r Cợ t SR - G ố m + Glycerin - Trư ợ t **gót** phía t	? 0.19	0.36			ma sát
	Chư ố ợ trơ g SR - G ố m + Glycerin - Trư ợ t v ề phía t	? 0.22	0.34			ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	68.0			megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	21			megaohm
	Hấp thụ năng l ợ g ót chân ủ	? 20	33			J
Đ ỡ n g đầ ợ						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g **cách sau va đập 100J)**	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g **nén** (kh oản g h ở **sau khi nén 10kN)**	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g **cách sau va đập 200J)**	? 14	15.5			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g **nén** (kh oản g h ở **sau khi nén 15kN)**	? 14	22.0			mm

kích thước thép: 42

a chú Giày ủ khôn có ể thay ế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không ợ ặ sao chép ướ dạng nào mà không ép bằng văn bản ủ

hân sinh ọ **thái:**

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO#hát** thả					
	V ật l iệu		3.39		kg
	Bao bì		0.12		kg
ất	Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			5.66 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ ỷ **tái** ch ế			
	Product		10%	
	Bao bì		100%	

Tính toán CO2:
ị đ ợ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán ệ ể ệ ậ ổ ay đổi.